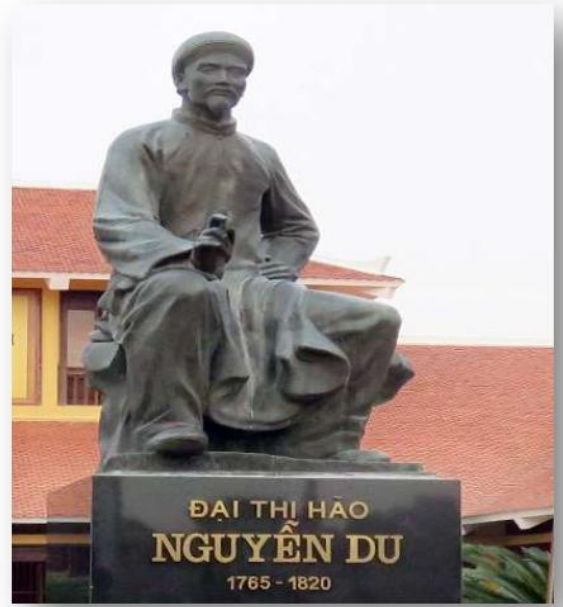


1. CUỘC ĐỜI (1765 – 1820).

- Tên chữ: Tố Như; hiệu: Thanh Hiên
- Quê quán: Làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh.
- Cha là Nguyễn Nghiễm từng giữ chức Tể tướng triều Lê; Mẹ là Trần Thị Tần, giỏi việc hát xướng.
- Xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan nhưng lại gặp lúc “thay đổi sơn hà”
 - Thời thơ ấu và niên thiếu: mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Sống nhờ người anh cùng cha khác mẹ ở Thăng Long → có dịp hiểu biết về đời sống phong lưu, xa hoa của giới quý tộc phong kiến; dùi mài kinh sử.
 - 18 tuổi đỗ tam trường, giữ chức quan võ ở Thái Nguyên.
 - Quãng đời thăng trầm, lưu lạc, gian khổ: mười năm gió bụi lang thang ở quê vợ rồi về quê hương trong nghèo túng.
 - Từng mưu đồ chống Tây Sơn thất bại, bị bắt rồi được tha, về ẩn dật ở quê nội → có dịp chứng kiến hiện thực và sáng tác nhiều.
 - Làm quan bất đắc dĩ dưới triều Nguyễn, đường công danh thẳm tiến.
 - Ông ốm và mất ở Huế ngày 18-09-1820.
 - Năm 1965, hội đồng hòa bình thế giới công nhận ông là danh nhân văn hóa thế giới, kỉ niệm trọng thể 200 năm – năm sinh.



Nguyễn Du – một người tài hoa nhưng bất đắc chí đã ném trái bao cay đắng, thăng trầm trong cuộc đời, một trái tim nghệ sĩ bẩm sinh và thiên tài.

2. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

a. Những tác phẩm chính:

- a. Chữ Hán: 249 bài thơ, gồm 3 tập: *Thanh Hiên thi tập*, *Nam Trung tạp ngâm*, *Bắc hành tạp lục*
- b. Chữ Nôm: *Truyện Kiều*; *Văn chiêu hồn*

b. Nhà thơ có khuynh hướng hiện thực sâu sắc

- Phản ánh thực tế đời sống buồn chán, đôi cơm rách áo của bản thân nhà thơ.
 - Phản ánh sự đối lập giàu – nghèo. (qua các tác phẩm: “*Bài ca những điều trông thấy*”, “*Người hát rong ở Thái Bình*” ...).
- Thái độ quyết liệt lên án sự tàn nhẫn, bạc ác của các thế lực đen tối

c. Nhà thơ nhân đạo vĩ đại

- Quan tâm sâu sắc tới thân phận con người. (“*Truyện Kiều*”, “*Độc Tiểu Thanh kí*”, “*Văn tế thập loại chúng sinh*”...)

→ Đó là tư tưởng từ thương thân đến thương đời, thương người, tình thương thập loại chúng sinh, nhất là người phụ nữ.

d. Vị trí hàng đầu của Nguyễn Du trong lịch sử văn học dân tộc

- Thơ chữ Hán rất thành công đạt đến mức tự nhiên, nhuần nhị, tài hoa.

- Thơ Nôm: thể thơ lục bát (*Truyện Kiều*) và song thất lục bát (*Văn chiêu hồn*) đạt đến mẫu mực, cổ điển.

- Ngôn ngữ điêu luyện, mang vẻ đẹp phong phú của Tiếng Việt.

- Nghệ thuật tự sự, cách miêu tả nhân vật tài tình...

→ Xứng đáng là đỉnh cao của Tiếng Việt văn học trung đại.

3. KẾT LUẬN:

Nguyễn Du là nhà nghệ sĩ lớn có trái tim cảm thông sâu sắc với mọi kiếp người. Ông không chỉ là đại thi hào dân tộc có đóng góp to lớn trong nền văn học trung đại Việt Nam trên các mặt tư tưởng, nghệ thuật, thể loại và ngôn ngữ mà còn là Danh nhân văn hóa thế giới.

Tiết 75: TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU

I. NGUỒN GỐC TRUYỆN KIỀU VÀ SỰ SÁNG TẠO CỦA NGUYỄN DU.

1. Nguồn gốc Truyện Kiều:

- Dựa theo cốt truyện “*Kim Vân Kiều truyện*” – tiểu thuyết chương hồi cỡ nhỏ (gồm 20 hồi) của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc).

- Thời điểm sáng tác: chưa xác định song dựa vào thành tựu nghiên cứu văn bản học hiện đại phỏng đoán tác phẩm được sáng tác trong thời kì dài (từ năm 1789 đến 1802)

2. Sự sáng tạo của Nguyễn Du (chủ yếu là về nội dung và thể loại):

a. Nội dung:

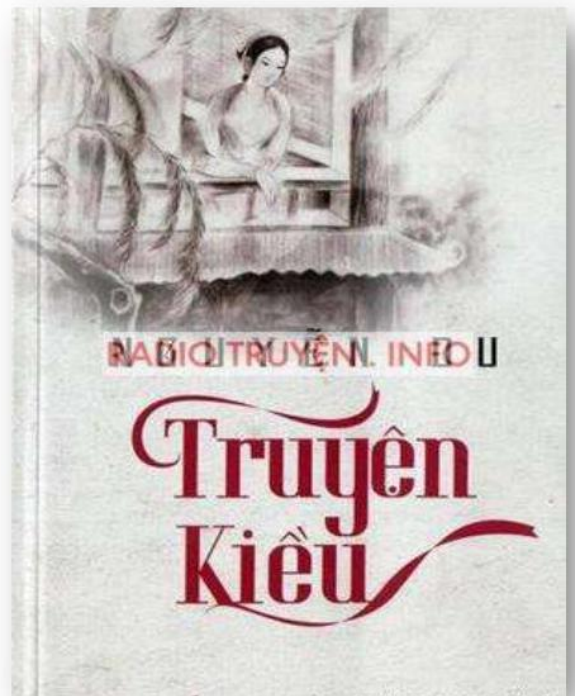
- Từ câu chuyện tình trong “*Kim Vân Kiều truyện*” của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã tạo thành “khúc ca đứt ruột” về số phận con người.

Truyện Kiều tập trung thể hiện nội tâm nhân vật, cảm hứng chủ đạo là nỗi đau thân phận.

b. Thể loại:

- Truyện thơ Nôm (khác với *Kim Vân Kiều truyện* là tiểu thuyết), thể lục bát được nâng cao lên mức cổ điển

c. Ngôn ngữ: *Truyện Kiều* thể hiện sự trau chuốt, tinh vi, chính xác đến trình độ cổ điển.



d. Về vị trí lịch sử to lớn của *Truyện Kiều*: Thành tựu cao nhất về tư tưởng nhân đạo và nghệ thuật biểu hiện nội tâm nhân vật. Đánh dấu sự phát triển rực rỡ nhất của văn học Việt Nam, trở thành di sản văn học của nhân loại, được dịch ra khoảng 20 thứ tiếng trên thế giới).

II. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG VÀ NGHỆ THUẬT CỦA TRUYỆN KIỀU

1. Giá trị tư tưởng:

a. Bài ca về tình yêu tự do và ước mơ công lí

- Nhà thơ vượt lên những quy tắc lễ giáo phong kiến để nâng nui những biểu hiện tình yêu trong trắng, chân thành.

- Gửi gắm ước mơ làm chủ cuộc đời (qua nhân vật Từ Hải).

b. Tiếng khóc cho số phận con người. (tiếng khóc đứt ruột cho số phận, nhân phẩm bị chà đạp, thân xác con người bị đọa đày...)

c. Bản cáo trạng đanh thép đối với các thế lực đen tối (tố cáo về quyền sống bị chà đạp, tố cáo thế lực đen tối, lên án hành động làm tha hóa con người của đồng tiền.)

d. Tiếng nói “hiểu đời” (tấm lòng cảm thông, bao dung, hiểu thấu mọi điều uẩn khúc của con người...qua từng chi tiết, từng lời → ngòi bút nhân đạo sâu sắc).

2. Giá trị nghệ thuật:

a. Nghệ thuật xây dựng nhân vật sống động.

b. Mẫu mực của nghệ thuật tự sự và trữ tình bằng thơ lục bát. (sử dụng các phương diện: trần thuật, giới thiệu nhân vật, tả cảnh ngụ tình, kể chuyện theo điểm nhìn nhân vật,..)

c. Tiếng Việt trong “*Truyện Kiều*” là một ngôn ngữ trong sáng, trau chuốt, giàu sức biểu cảm.

C. TỔNG KẾT

- “*Truyện Kiều*” là tác phẩm vĩ đại của văn học Việt Nam, thể hiện được các giá trị nhân đạo, hiện thực và nghệ thuật sâu sắc, kết tinh văn học dân tộc, là sáng tạo độc đáo trên cơ sở tiếp thu văn học nước ngoài.

-Khẳng định ngòi bút xuất sắc của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

BÀI TẬP CÙNG CỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Năm sinh – năm mất của Nguyễn Du là:

- 1762 -1818
- 1764 -1820
- 1765 -1821
- 1765 -1820

2. Tên chữ của Nguyễn Du là gì?

- Bạch Vân
- Ức Trai
- Tố Như
- Thanh Hiên.

3. Thời thơ ấu và niên thiếu Nguyễn Du sống ở đâu?

- a. Thăng long
 - b. Nghệ An
 - c. Hải Dương
 - d. Hà Tĩnh
4. Tác phẩm nào sau đây là của Nguyễn Du?
- a. Bạch Vân am thi tập
 - b. Nam trung tạp ngâm
 - c. Quốc âm thi tập
 - d.Ức Trai thi tập.
5. Câu thơ sau thuộc tác phẩm nào dưới đây?

***Đau đớn thay phận đàn bà.
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung***

- a. Bắc hành tạp lục.
 - b. Văn chiêu hồn
 - c. Truyện Kiều
 - d. Đọc Tiểu Thanh kí.
6. Những điểm đặc sắc của tư tưởng, tình cảm Nguyễn Du trong các sáng tác bằng chữ Hán là gì?
- a. Cảm thông với những số phận nhỏ bé bị chà đạp.
 - b. Ca ngợi, đồng cảm với nhân cách cao thượng và phê phán cái xấu.
 - c. Phê phán xã hội phong kiến chà đạp lên quyền sống của con người.
 - d. Cả a,b,c.
7. Truyện Kiều của Nguyễn Du có nguồn gốc từ đâu?
- a. Từ một tác phẩm tự sự của Trung Quốc.
 - b. Thương những con người tài hoa bị chà đạp nên tác giả đã sáng tác ra.
 - c. Từ cuộc đời của người con gái mang tên Tiểu Thanh.
 - d. Từ một câu chuyện trong dân gian.
8. Giá trị nhân đạo của Truyện Kiều là:
- a. Là tiếng nói thương cảm trước số phận bi kịch con người.
 - b. Là lời tố cáo những thế lực xấu xa, sống vì đồng tiền và trở thành bất nhân.
 - c. Đề cao tài năng, nhân phẩm và khát vọng chân chính của con người.
 - d. Tất cả các ý trên.
9. Giá trị hiện thực của Truyện Kiều là:
- a. Tác phẩm phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội đương thời với bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị.
 - b. Tố cáo lễ giáo phong kiến khắc nghiệt đã đẩy người phụ nữ vào cảnh oan trái, tàn khốc.
 - c. Tác phẩm thể hiện rõ số phận của những con người bị áp bức, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ.
 - d. Cả a và b
 - e. Cả a và c
10. Ý nghĩa xã hội sâu sắc trong thơ văn Nguyễn Du là:
- a. Tình yêu cuộc sống.
 - b. Tình yêu con người
 - c. Gắn chặt tình đời và tình người.

d. Đề cao cảm xúc.

ĐÁP ÁN

1.D

6.D

2.C

7.A

3.A

8.D

4.B

9.E

5.C

10.C